

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 1215/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Cẩm L, sinh năm: 1994 (Xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 361 đường A, tổ 2, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 163 Tỉnh lộ 902, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 361 đường A, tổ 2, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 29/3/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Võ Cẩm L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Ph xây dựng gia đình năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện. Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà sinh sống tại gia đình chồng, sống cũng có hạnh phúc tuy vẫn có nhiều vấn đề xảy ra, ông Ph không quan tâm đến gia đình, tiền bạc làm ra mang đi trả nợ riêng vì cờ bạc, ông Ph còn nhậu nhẹt say xỉn, mỗi lần say xỉn lại kiếm chuyện chửi mắng vợ con, gia đình chồng cũng không khuyên ngăn được, từ Tết năm 2020 bà đã về quê ở tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho đến nay, ông Ph còn về tận quê để xúc phạm gia đình bà, bà nhận thấy giữa bà và ông Ph không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng

không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bà đã suy nghĩ rất kỹ và vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, ông Ph hứa hẹn rất nhiều lần nhưng không thay đổi nên bà không còn lòng tin nữa, nếu vợ chồng ly hôn và ông Ph sửa đổi thật sự thì bà có thể cho ông Ph thêm cơ hội để hàn gắn.

Bà và ông Ph có 02 con chung tên Nguyễn Văn Ph1, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 15/11/2016. Bà đồng ý giao 02 con cho ông Ph nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông Ph tự thỏa thuận không tranh chấp, nợ chung không có.

** Tại bản tự khai ngày 06/6/2022 và biên bản hòa giải ngày 06/6/2022, bị đơn là ông Nguyễn Văn Ph trình bày:*

Ông và bà L tự nguyện xây dựng gia đình năm 2012, có đăng ký kết hôn.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng ông sống bên gia đình ông, sau đó có nhà riêng, thời gian đầu có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng theo ông là không có gì, chỉ là những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống, ông nhận thấy bản thân cũng có lỗi với vợ, ông còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn.

Vợ chồng ông có 02 con chung đúng như bà L trình bày, tôi đồng ý nuôi 02 con, không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng.

Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 29/3/2022, bà Võ Cẩm L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph, con chung có 02 cháu bà đồng ý giao cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung bà không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Phong cư trú tại số 361 đường A, tổ 2, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông Ph trực tiếp nhận các văn bản tố tụng) nhưng vẫn không đến Tòa án, nguyên đơn là bà Võ Cẩm L có đơn xin vắng mặt do bà ở xa, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt bà L và ông Ph theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Cẩm L và ông Nguyễn Văn Ph tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã A,

huyện C cấp ngày 22/01/2013, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà L thì bà và ông Ph tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống tại gia đình ông Ph, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra do ông Ph không quan tâm đến gia đình, tiền bạc làm ra không phụ lo kinh tế gia đình mà mang đi trả nợ riêng do cờ bạc, ông Ph còn thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn kiếm chuyện chửi mắng vợ con, vì đã cho ông Ph cơ hội nhiều lần để sửa đổi nhưng ông Ph hứa hẹn mà không thay đổi, từ Tết năm 2020 do không chịu đựng được nên bà đã về quê ở tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho đến nay, bà và ông Ph cũng ly thân từ đó, tuy bà đã về quê nhưng ông Ph vẫn về quê bà xúc phạm bà, bà nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông Ph không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông Ph trình bày ông vẫn còn thương vợ con nhưng ông Ph không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà L, khi Tòa án mời hòa giải lần thứ 2 ông Ph không đến, Hội đồng xét xử xét hiện bà L và ông Ph không còn sống cùng một nơi, do vậy không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của bà L và ông Ph tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Ph đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Ph là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà L và ông Ph có 02 con chung tên Nguyễn Văn Ph1, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 15/11/2016. Khi ly hôn bà L đồng ý giao 02 con chung cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu Ph1 trên 07 tuổi hiện đang sống cùng cha và có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha, cháu Qu cũng đang sống với cha, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Ph1 và cháu Qu cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phong về việc tạm thời không yêu cầu bà Loan cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này ông Phong có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông Ph xác định không tranh chấp.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L và ông Ph xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Võ Cẩm L về việc cho ly hôn giữa bà Võ Cẩm L và ông Nguyễn Văn Ph.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp ngày 22/01/2013 cho bà L và ông Ph không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà L và ông Ph có 02 con chung tên Nguyễn Văn Ph1, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Văn Qu, sinh ngày 15/11/2016.

Giao cháu Ph1 và cháu Qu cho ông Ph được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph về việc tạm thời không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền khởi kiện cho ông Ph trong trường hợp ông Ph có tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông Ph xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L và ông Ph xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0044192 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**